

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **37**/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/4/2022.

Về việc: “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang Thái;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên - Thư ký Tòa án của
Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn,
tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:
254/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2021/QĐXXST-
HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021; thông báo dời ngày xét xử số
17/2022/TB.TA ngày 11/01/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-
HNGĐ ngày 16/02/2022; thông báo dời ngày xét xử số 101/2022/TB.TA ngày
14/3/2022 và thông báo về việc thay đổi mở phiên tòa số 146/TB.TA ngày
14/4/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà LTTD, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp Tây Huề, xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Có mặt).

*** Bị đơn:** Ông HTN, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp Tây Huề, xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng**

như tại phiên toà nguyên đơn bà LTTD trình bày như sau:

Bà và ông HTN do mai mối, sau đó có tổ chức lễ cưới vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 30/9/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, mỗi lần cự cãi là ông N thường sử dụng bạo lực với bà nhiều lần. Có lần ông gây thương tích cho bà đến nỗi bà phải nằm viện để điều trị. Thời gian qua bà cũng cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2021 đến nay. Nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N; Về con chung: vợ chồng ông bà có 02 con chung tên HTKC, sinh ngày 19/9/2000 và HPT, sinh ngày 22/9/1999, hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông HTN trình bày như sau:*

Ông và bà LTTD do mai mối, sau đó có tổ chức lễ cưới vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 30/9/2013. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Thời gian sau đó, ông đi làm xa nhà và thỉnh thoảng mới về. Mỗi lần về nhà thì bà D kiểm chuyện gây sự với ông, có lần bà D đánh ông nên ông có đánh lại. Ông vẫn còn thương vợ, thương con và muốn các con học hành tới nơi tới chốn nên ông không đồng ý ly hôn với bà D. Về con chung: vợ chồng ông bà có 02 con chung tên HTKC, sinh ngày 19/9/2000 và HPT, sinh ngày 22/9/1999, hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động. Về tài sản chung và nợ chung: do ông không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, ông N vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên: Về hôn nhân: Bà D được ly hôn với ông N. Về con chung: các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Bà D yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn và kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà LTTD khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông HTN có nơi cư trú tại ấp Tây Huề, xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông HTN (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Do mai mối, sau đó bà D và ông N tự nguyện tiến đến kết hôn với nhau vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 30/9/2013 theo quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng bà D và ông N phát sinh mâu thuẫn, bà D yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống giữa bà D và ông N thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, không có hạnh phúc. Thời gian qua Tòa án có tạo điều kiện cho vợ chồng có thời gian hàn gắn hạnh phúc nhưng cũng không có kết quả. Bà D kiên quyết ly hôn với ông N, ông N vẫn còn thương vợ, thương con nên yêu cầu được đoàn tụ.

Cuộc sống hôn nhân, vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, trở thành một tế bào của xã hội, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại và không muốn sống chung lại nữa, mặc dù đã có thời gian để hàn gắn nhưng vẫn không có kết

quả. Tòa án đã hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng phía bà D vẫn cương quyết ly hôn. Thời gian ly thân, ông N và bà D cũng không còn tới lui chăm sóc cho nhau. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D là được ly hôn với ông N.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên HTKC, sinh ngày 19/9/2000 và HPT, sinh ngày 22/9/1999, hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 8, Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà LTTD.

1. Về hôn nhân: Bà LTTD được ly hôn với ông HTN.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88 do Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp ngày 30/9/2013 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, giữa bà D và ông N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung sẽ được Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về nợ chung: HĐXX không xem xét về nợ chung nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông bà trong thời kỳ sống chung thì bà D và ông N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Bà LTTD phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008594 ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Bình Thành;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân